

Bản án số: 57/2019/HS-ST

Ngày 28 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Dong.

2. Bà Phàng Thị Dờ.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 21 tháng 02 năm 1987, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 2 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Trần thị H - năm sinh 1944.

Trú tại: Thôn 2 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ: La Thị C - sinh năm 1991 (đã ly hôn).

Con: Bị cáo có 01 con , sinh năm 2012, hiện đang ở cùng mẹ.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự: Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với Nguyễn Xuân T thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 08/8/2013, đến ngày 11/10/2013, Nguyễn Xuân T đã bỏ trốn, tính đến ngày phạm tội, bị can chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Tại bản án số 63/2015/HSST ngày 26/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội mới đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H (tên gọi khác không)

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 3 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị L - năm sinh 1958.

Trú tại: Thôn 3 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ: Nùng Thị H (đã ly hôn)

Con: Bị cáo có 01 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2011 .

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 902/QĐ- UBND ngày 28/3/2013 của UBND huyện B về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc đối với Trần Văn H thời hạn là 12 tháng. Đến ngày 31/3/2014 H đã chấp hành xong, tính đến ngày phạm tội mới đã được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại** : Công ty TNHH một thành viên Thiên H 2 - Trụ sở tại thôn 1 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Do ông Hoàng Nhật H - sinh năm 1993.

Trú tại thôn 1 xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Trong hai ngày 02/6/2019 và ngày 05/7/2019, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ sáng ngày 02/6/2019, sau khi uống thuốc Methadone, Nguyễn Xuân T rủ Trần Văn H đi trộm cắp phụ tùng xe ô tô để bán lấy tiền tiêu xài, Trần Văn H đồng ý. Đến 20 giờ cùng ngày, Trần Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu đỏ đen biển kiểm soát 24P1 - 141.87 chở Nguyễn Xuân T đi từ thôn 2, xã B đến bãi đỗ xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiên H 2, tại thôn 1, xã B, huyện B. Khi đến nơi, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đi đến xe ô tô biển kiểm soát 24C - 022.27 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiên H 2, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H trèo lên thùng xe ô tô lấy trộm 02 (hai) thanh sắt xô hình chữ U. Sau đó, Trần Văn H điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Xuân T đem tài sản trộm cắp được đến bán cho

chị Trịnh Thị V, sinh năm 1986, tạm trú tại thôn 1, xã B, huyện B với giá 360.000 (*ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 05/7/2019, sau khi uống thuốc Methadone, Nguyễn Xuân T tiếp tục rủ Trần Văn H đi trộm cắp phụ tùng xe ô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24P1 - 141.87 chở Nguyễn Xuân T về nhà của T tại thôn 2, xã B, huyện B, Nguyễn Xuân T cầm theo 03 (ba) cờ lê bằng kim loại, 01 (một) tua vít hình chữ T, 01 (một) mỏ lết rồi cùng Trần Văn H đi đến bãi đỗ xe ô tô của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiên H 2 ở thôn 1, xã Bản Vược. Khi đi đến nơi, do Trần Văn H có việc nên phải đi, T nói với H 01 (một) giờ sau quay lại đón, Trần Văn H đồng ý. Nguyễn Xuân T đi đến gần xe ô tô biển kiểm soát 24C – 021.28 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiên H 2 rồi chui vào gầm xe ô tô dùng cờ lê tháo rời một phần trục các đăng của xe ô tô. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, Trần Văn H đến và cùng Nguyễn Xuân T đi vào bãi đỗ xe khênh trục các đăng lên xe rồi chở đi bán cho chị Trịnh Thị V được số tiền 180.000 (*một trăm tám mươi nghìn đồng*). Số tiền bán tài sản trộm cắp mà có, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL.HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- 02 (hai) thanh sắt xô xe ô tô, loại ô tô tải có mui, biển kiểm soát 24C – 022.07 có giá trị 800.000 (*tám trăm nghìn đồng*).

- 01 (một) trục các đăng xe ô tô, loại ô tô tải có mui, biển kiểm soát 24C – 021.28 có giá trị 3.500.000 (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 4.300.000 (*bốn triệu ba trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, Trịnh Thị V chỉ thừa nhận vào ngày 05/7/2019 đã mua của Nguyễn Xuân T 01 (một) cục sắt với giá 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), sau đó đã bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 180.000 (*một trăm tám mươi nghìn đồng*), số tiền này Trịnh Thị V đã tiêu xài cá nhân hết. Do Trịnh Thị V không biết tài sản do Nguyễn Xuân T trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý hình sự.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 24B1 – 141.87 mà Trần Văn H và Nguyễn Xuân T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ chiếc xe mô tô trên mang tên Trần Nam H, sinh năm 1981, trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (là anh trai của Trần Văn H). Anh Trần Nam H không biết Trần Văn H dùng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 03 (ba) cờ lê bằng kim loại màu trắng (loại 18 - 18, 22 - 22, 24 - 24, trên thân cờ lê có ký hiệu HD), đã qua sử dụng; 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, loại 8” - 200mm, đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 60/CT - VKS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Bị cáo Trần Văn H từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại và cho các bị cáo số tiền trên, nên không giải quyết.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy Đối với 03 (ba) cờ lê bằng kim loại màu trắng (loại 18 - 18, 22 - 22, 24 - 24, trên thân cờ lê có ký hiệu HD), đã qua sử dụng. 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, loại 8” - 200mm, đã qua sử dụng.

+ Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị hại Công ty TNHH một thành viên Thiên H 2. Do ông Hoàng Nhật H

Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Qua các bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị trộm cắp mà cho các bị cáo, về phần hình phạt đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H đã thành khẩn khai báo và nhận tội, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với các

bị cáo và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 4.300.000 (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nên áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự, để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi sự và cũng là người thực hành tích cực, giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo H sau khi được T khởi sự đã tham gia thực hành tích cực, giữ vai trò thứ 2 trong vụ án

Hành vi của hai bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên việc đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Đồng thời quyết định một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo. Vì cả hai bị cáo T và H đều có nhân thân xấu, mắc nghiện ma túy.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hai bị cáo T và H đều không có tình tiết tăng nặng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo và gây thiệt hại không lớn.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Vì cả hai bị cáo đều là người mắc nghiện ma túy, không có việc làm thu nhập ổn định.

[3] Về vật chứng gồm: 03 (ba) cờ lê bằng kim loại màu trắng (loại 18 - 18, 22 - 22, 24 - 24, trên thân cờ lê có ký hiệu HD), 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, loại 8” – 200mm, đã qua sử dụng, là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại Công ty TNHH một thành viên Thiên H 2. Do ông Hoàng Nhật H - Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Qua các bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thiệt hại tài sản bị trộm cắp mà cho các bị cáo. Nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 09 (chín) tháng tù; bị cáo Trần Văn H 07 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam bị cáo 03/10/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) cờ lê bằng kim loại màu trắng (loại 18 - 18, 22 - 22, 24 - 24, trên thân cờ lê có ký hiệu HD), 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, loại 8” - 200mm, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Nguyễn xuân T.

4. Về án phí: Buộc hai bị cáo Nguyễn Xuân T Và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bị cáo; Bị hại;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

Ngô Đức Quang

